

Số: /BC-BNN-CN

Hà Nội, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi

Thực hiện Quyết định số 182/QĐ-TTg ngày 14/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Trồng trọt, Luật Chăn nuôi; Nghị quyết số 91/NQ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5/2020, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ rà soát Nghị định số 13/2020/NĐ-CP và xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Bình đẳng giới năm 2006, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 15/4/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Thông tư số 17/2014/TT-BTP ngày 13/8/2014 của Bộ Tư pháp quy định về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập báo cáo lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi như sau:

I. BỐI CẢNH, MỤC ĐÍCH VÀ PHƯƠNG PHÁP

1. Bối cảnh

Ngày 19/11/2018, tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật Chăn nuôi năm 2018 (số 32/2018/QH14) và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2020. Luật Chăn nuôi đánh dấu một bước tiến mới tạo khung pháp lý cho ngành Chăn nuôi. Luật Chăn nuôi có nhiều nội dung mới đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh trong nước và hội nhập quốc tế; quản lý chăn nuôi theo chuỗi từ con giống, thức ăn chăn nuôi, điều kiện chăn nuôi đến thị trường chăn nuôi; xã hội hóa một số dịch vụ công, đa dạng cách thức thực hiện thủ tục hành chính để đáp ứng yêu cầu cải cách của Chính phủ; chú trọng đến vấn đề môi trường trong chăn nuôi. Do đó, để bảo đảm tính linh hoạt trong quá trình triển khai thi hành, Luật đã giao Chính phủ hướng dẫn một số nội dung để phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội trong từng thời kỳ cụ thể.

Thế chế hóa chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập sâu rộng trong phát triển kinh tế. Tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh Quốc gia theo Nghị quyết số 19/NQ-CP và hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 tại Nghị quyết số 35/NQ/CP.

Thực hiện quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Quyết định số 182/QĐ-TTg ngày 14/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Trồng trọt, Luật Chăn nuôi. Để bảo đảm Luật được triển khai thực hiện đồng bộ ngay khi có hiệu lực thi hành, những nội dung được Luật giao phải được Chính phủ quy định kịp thời do đó Nghị định số 13/2020/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi được Chính phủ ban hành ngày 21/01/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 05/3/2020.

Nghị định số 13/2020/NĐ-CP đã hướng dẫn những nội dung được Luật Chăn nuôi giao về giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, điều kiện cơ sở chăn nuôi, quy mô, mật độ chăn nuôi, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi, thức ăn chăn nuôi, sản phẩm chăn nuôi... Nhiều nội dung của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP được triển khai thực hiện trong thực tiễn đã góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý đầy đủ, đồng bộ, tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, cạnh tranh, minh bạch để tổ chức, cá nhân hoạt động trong chăn nuôi, đồng thời phát huy hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về chăn nuôi. Tuy nhiên, một số nội dung của Nghị định 13/2020/NĐ-CP cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tham gia phát triển bền vững và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ngành chăn nuôi trong thời gian tới.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, việc rà soát Nghị định số 13/2020/NĐ-CP và xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi là hết sức cần thiết.

2. Mục đích của báo cáo

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã đưa ra các mục tiêu, quan điểm chỉ đạo; nghiên cứu các nội dung về giới và bình đẳng giới đối với các hoạt động chăn nuôi và quản lý chăn nuôi, các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và các Công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên nhằm đề xuất các vấn đề lồng ghép giới trong xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi lần này.

Mục tiêu về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi nhằm đảm bảo những nội dung sau:

- Bảo đảm phù hợp với quy định của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đặc biệt là Công ước CEDAW; phù hợp với các yêu cầu chung của Ủy ban CEDAW có liên quan đến việc bảo đảm các quyền con người của nữ giới và nam giới trong mọi lĩnh vực đời sống về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và gia đình.

- Bảo đảm tính thống nhất về các nội dung quy định tại Luật Chăn nuôi, Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Chăn nuôi với những quy định pháp luật đã ban hành về bình đẳng giới.

- Bảo đảm các yếu tố về quyền con người, quyền công dân của nữ giới và nam giới đã được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013 và các bộ Luật khác đã được Quốc hội thông qua.

3. Cách tiếp cận, phương pháp luận và khung phân tích

Để việc hoạch định chính sách đạt hiệu quả trong giảm bất bình đẳng giới và chủ động thúc đẩy bình đẳng giới đòi hỏi phải xác định được các hình thức bất bình đẳng giới trong các lĩnh vực của cuộc sống. Phương pháp này cũng được áp dụng để thiết lập các mục tiêu liên quan đến các biện pháp bình đẳng giới. Đánh giá tác động giới giúp các nhà hoạch định chính sách xem xét các thách thức theo khía cạnh bình đẳng giới và xác định hành động cần thiết để thu hẹp khoảng cách giới. Việc này sẽ hữu ích để hiểu được các bất bình đẳng giới cấu trúc mà dựa vào đó khoảng cách giới được đưa ra. Đặt câu hỏi và tích lũy dữ liệu và các thông tin liên quan khác có thể góp phần vào việc xây dựng kiến thức quan trọng về bất bình đẳng giới. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng công cụ kiểm tra chéo bao gồm việc sử dụng nhiều nguồn dữ liệu trong điều tra giới trong Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi để đưa ra hiểu biết rộng hơn về tác động của Luật, Nghị định và các Thông tư. Lý do áp dụng công cụ kiểm tra chéo trong phân tích cụ thể này căn cứ vào thực tế rằng bất cứ một phương pháp đơn lẻ nào cũng không đủ để phản ánh một hiện tượng hay tác động. Sử dụng các phương pháp khác nhau mang đến hiểu biết sâu hơn các vấn đề về giới trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. Các vấn đề này được đánh giá dựa trên các quan điểm khác nhau của những người có quan tâm.

4. Nội dung báo cáo

Nội dung của báo cáo bao gồm thực trạng vấn đề bảo đảm bình đẳng giới trong hoạt động và quản lý chăn nuôi khi thực hiện các quy định pháp luật về chăn nuôi. Phần này sẽ tập trung vào sự tham gia của phụ nữ trong các hoạt động chăn nuôi và quá trình ra quyết định. Phần chính của báo cáo tập trung xác định các yếu tố mới và tác động so với việc thực thi các quy định về quản lý chăn nuôi từ góc độ giới. Tác động của Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật

Chăn nuôi bao gồm: tác động giới liên quan tới giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, môi trường chăn nuôi. Báo cáo cũng bao gồm kết luận và đề xuất nhằm giảm thiểu tác động về giới của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi và biện pháp thi hành Luật Chăn nuôi.

II. THỰC TRẠNG VẤN ĐỀ BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI VÀ QUẢN LÝ CHĂN NUÔI

Luật Bình đẳng giới năm 2006 đảm bảo quyền công bằng với nam giới và nữ giới và yêu cầu tất cả các Bộ áp dụng chiến lược trách nhiệm giới. Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới (2011-2020) và Chương trình hành động quốc gia về Bình đẳng giới (2011-2015) đưa ra khung hành động thúc đẩy bình đẳng giới và nâng cao quyền năng cho phụ nữ. Chiến lược phát triển chăn nuôi tạo ra một diễn đàn đầy hứa hẹn để lồng ghép giới. Trong quá trình tổng kết thi hành pháp luật về chăn nuôi và quản lý chăn nuôi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thấy rằng không có điều khoản riêng quy định về giới, cũng không quy định phân biệt đối xử về giới trong các nội dung của pháp luật về chăn nuôi và quản lý chăn nuôi. Như vậy, không có sự phân biệt giữa nam giới và nữ giới trong các quy định về chăn nuôi và quản lý chăn nuôi.

Theo số liệu của Cục Chăn nuôi, cơ quan giúp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý nhà nước về hoạt động chăn nuôi, hiện nay có 46 cán bộ công chức, viên chức và người lao động, trong đó nam giới là 30 người (chiếm 65%) và 16 là nữ giới (chiếm 35%). Qua đó cho thấy sự bình đẳng giới giữa nữ giới và nam giới. Tỷ lệ nữ giới nắm giữ các vị trí lãnh đạo tại các phòng tham mưu thuộc Cục Chăn nuôi chiếm 47% và 53% là nam giới. Như vậy, các quy định về điều kiện, tiêu chuẩn của người làm việc trong lĩnh vực chăn nuôi được áp dụng chung đối với cả nữ và nam mà không có sự phân biệt về giới.

Trung tâm Khảo kiểm nghiệm, kiểm định chăn nuôi trực thuộc Cục có tổng số 40 cán bộ công nhân viên, trong đó có 22 người là nữ (chiếm tỉ lệ 55%), đã góp phần tích cực trong công tác, thực hiện tốt các chỉ đạo của ngành trong lĩnh vực chăn nuôi.

Theo số liệu thống kê và báo cáo từ các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tỷ lệ nữ là lãnh đạo cấp Sở chiếm 32% (20/63 Sở Nông nghiệp và PTNT có lãnh đạo là nữ), tuy nhiên số lượng lãnh đạo nữ khi tính trên tổng số lãnh đạo của các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh vẫn còn hạn chế (20/285 người tương đương 7%). Các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỷ lệ gần 25% là nữ giới và nam giới là 75%.

Theo số liệu thống kê tại các doanh nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi, Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam có khoảng 2438 cán bộ, công nhân viên, trong đó lao động là nữ giới chiếm 47% và nam giới là 53%.

Với đặc thù của lĩnh vực chăn nuôi có nhiều công việc đòi hỏi tính chi tiết tỉ mỉ, khéo léo, kỹ năng cao do đó người lao động nữ thường tham gia nhiều hơn (chăm sóc nuôi dưỡng vật nuôi, pha chế tinh lợn/đại gia súc, gieo tinh nhân tạo, xây dựng/cài đặt công trình khí sinh học...), một số công việc lại đòi hỏi làm việc trong môi trường nặng nhọc (như huấn luyện trâu, bò, ngựa đực giống khai thác tinh) lại cần có sự tham gia của nam giới. Tuy nhiên, trong dự thảo Nghị định hướng dẫn chi tiết và biện pháp thi hành Luật Chăn nuôi không có quy định nào phân biệt sự tham gia hoạt động của nam hoặc nữ.

Trong hoạt động khoa học và công nghệ lĩnh vực chăn nuôi, Viện Chăn nuôi có tổng số 1151 cán bộ công nhân viên chức, người lao động, trong đó có 522 người là nữ (chiếm tỷ lệ 45%), 629 người là nam (chiếm tỷ lệ 55%). Tỷ lệ lãnh đạo cấp Viện là nữ chiếm 25%, cấp Trung tâm và Bộ môn là 43%. Lĩnh vực chăn nuôi nam giới và nữ giới bình đẳng trong việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, tham gia hoạt động đào tạo vào tất cả các hoạt động có liên quan. Nam giới và nữ giới bình đẳng về tiêu chuẩn trình độ chuyên môn, độ tuổi khi tuyển dụng, được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc về việc làm, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện làm việc khác. Bình đẳng giới còn được thể hiện trong tiêu chuẩn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm giữ các chức danh trong các vị trí có yêu cầu về tiêu chuẩn.

Trong việc thiết kế, phê duyệt và triển khai thực hiện các dự án trong nước và nước ngoài có vốn ODA, Bộ NN-PTNT đã chủ trì phối hợp với các nhà tài trợ nước ngoài thống nhất xây dựng Báo cáo đánh giá tác động về bình đẳng giới do công ty hoặc tư vấn cá nhân độc lập thực hiện. Phê duyệt báo cáo này là điều kiện bắt buộc trong quá trình thẩm định và phê duyệt nghiên cứu khả thi và văn kiện dự án. Trong quá trình thiết kế, các tiêu chí về lựa chọn đối tượng tham gia, đào tạo, tập huấn và thụ hưởng hỗ trợ từ Dự án đều có lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, trong đó có ưu tiên cho phụ nữ, đặc biệt là đối tượng chính sách, hộ nghèo, xã biên giới, đồng bào dân tộc ít người. Trong Dự án Chương trình khí sinh học cho ngành chăn nuôi triển khai từ năm 2003 đến 2020 trên 55 tỉnh/thành trên cả nước đã xây dựng trên 160 ngàn công trình khí sinh học ở quy mô nông hộ nhằm mục tiêu xử lý môi trường, tạo công ăn việc làm và đặc biệt là tạo nguồn năng lượng xanh tái tạo để đun, thắp sáng, đun nước, ủ vật nuôi góp phần giảm thiểu lao động và mang lại nhiều lợi ích cho phụ nữ ở nông thôn.

Như vậy, có thể thấy trong hoạt động chăn nuôi không có sự phân biệt về giới, phụ nữ và nam giới đều có thể tham gia vào các hoạt động này.

III. CÁC VẤN ĐỀ CHÍNH VỀ GIỚI TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 13/2020/NĐ-CP NGÀY 21/01/2020 CỦA CHÍNH PHỦ HƯỚNG DẪN CHI TIẾT VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT CHĂN NUÔI VÀ CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU BẤT BÌNH ĐẲNG VỀ GIỚI

Nỗ lực đảm bảo bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ tại Việt Nam được hỗ trợ bởi các công ước và tuyên bố quốc tế như Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ, Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc

Kinh, mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Liên hợp quốc, Tuyên ngôn của Liên hợp quốc về Quyền của các dân tộc bản địa và mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc.

Trong khi Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ nêu lên các nghĩa vụ cụ thể của các nước tham gia nhằm xóa bỏ việc phân biệt đối xử trong các lĩnh vực cụ thể, như y tế, giáo dục, việc làm và chính trị, thì Cương lĩnh hành động Bắc Kinh lại đưa ra quan điểm rộng hơn về các vấn đề có ảnh hưởng đến phụ nữ và mở rộng các lĩnh vực quan tâm bao gồm quản lý tài nguyên thiên nhiên, các thách thức đối với quyền của trẻ em gái và tác động của xung đột vũ trang đối với phụ nữ.

Ngoài ra, Cương lĩnh hành động Bắc Kinh đưa ra một trong các mục tiêu đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái. Với việc tham chiếu đầy đủ đến vấn đề giới trong hòa thuận Cancun, Công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu đã thành công trong việc đưa vấn đề về giới vào các cuộc tranh luận về tác động của biến đổi khí hậu. Công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu đã khẳng định giới là một trong các vấn đề xuyên suốt và có sự phụ thuộc lẫn nhau. Công ước yêu cầu các bên tham gia là những quốc gia đang phát triển khắc phục các nguyên nhân của nạn phá rừng và suy thoái rừng, các vấn đề về quyền sử dụng đất và quản trị lâm nghiệp trong quá trình xây dựng và thực hiện các chiến lược quốc gia của mình. Nghiên cứu về giới và các biện pháp bảo đảm an toàn được xác định nhằm bảo đảm sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của những người bản địa là phụ nữ và nam giới và các cộng đồng địa phương.

Vụ Bình đẳng giới thuộc Bộ Lao động, Thương Binh và Xã hội được thành lập năm 2008 theo cơ chế trao quyền cho nữ giới với nhiệm vụ thực hiện Luật Bình đẳng giới năm 2006, Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới 2011-2020 và Chương trình quốc gia về Bình đẳng giới 2011-2015, cũng như báo cáo cho Liên hợp quốc. Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam là một tổ chức phối hợp liên ngành, có chức năng giúp Thủ tướng Chính phủ trong những vấn đề về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ.

Xuất phát từ khái niệm về giới và phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết và biện pháp thi hành Luật Chăn nuôi, để đáp ứng đòi hỏi của việc bảo đảm bình đẳng giới theo pháp luật về bình đẳng giới, vấn đề giới trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ xác định:

- Cơ hội tiếp cận, tham gia, hưởng lợi của các chủ thể trong các hoạt động chăn nuôi, bao gồm tổ chức, cá nhân trong các hoạt động chăn nuôi từ tham gia quản lý đến tham gia trực tiếp trong các hoạt động chăn nuôi.

- Cơ hội thực hiện trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng

giới, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong các hoạt động quy hoạch, điều tra, phổ biến thông tin hoạt động chăn nuôi và giám sát thực hiện các chính sách, pháp luật về chăn nuôi.

Do đó, Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ đã nghiên cứu, khảo sát và cho rằng không cần phân biệt về giới trong các hoạt động chăn nuôi và quản lý chăn nuôi. Trong các điều khoản của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ không có một điều khoản riêng nào quy định về giới.

1. Các điều khoản chung

Cải cách, thay đổi phương thức quản lý trong hoạt động chăn nuôi được thúc đẩy trong Luật Chăn nuôi. Biến đổi khí hậu nói chung và thích ứng với biến đổi khí hậu nói riêng là một trong những khía cạnh mới được đề cập đến. Ngoài ra, việc thống nhất và tránh chồng chéo với các văn bản quy phạm pháp luật khác cũng được chú trọng trong dự thảo Nghị định.

Nghiên cứu về Biến đổi khí hậu có đưa ra một số tác động liên quan đến giới. Một trong số đó là tình trạng nước biển dâng tại Việt Nam làm cho người dân, đặc biệt là phụ nữ phải di cư đến các vùng đất khác. Nếu chính phủ có các chương trình sinh kế thay thế và sinh kế chống chịu thì những chương trình này cần hướng đến cả phụ nữ và nam giới với mục tiêu bảo vệ nguồn lợi thiên nhiên và đảm bảo quyền của các cộng đồng dân cư.

Đối tượng áp dụng cần lưu ý các nội dung sau: (1) Hộ gia đình cần phải có cả phụ nữ và nam giới. Ưu tiên các hộ gia đình thuộc các nhóm dân tộc thiểu số, đặc biệt là phụ nữ, phụ nữ là chủ gia đình, phụ nữ độc thân và phụ nữ là chủ hộ gia đình có điều kiện kinh tế khó khăn. Đối với những đối tượng này cần được ưu tiên trong hoạt động chăn nuôi. (2) Cơ sở chăn nuôi là các trang trại, doanh nghiệp chăn nuôi có hoạt động chăn nuôi, ấp trứng, hoặc nhân giống (cũng có cả phụ nữ và nam giới, không phân biệt). (3) Cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi là tổ chức, cá nhân sản xuất thức ăn chăn nuôi nhằm mục đích thương mại (không phân biệt nam hay nữ, tuy nhiên cần có chính sách bảo vệ sức khỏe cho nữ giới khi tham gia hoạt động này).

2. Về nguyên tắc, chính sách phát triển về chăn nuôi

Nội dung này đề cập đến tư tưởng truyền thống của nam giới và nữ giới. Ví dụ nam giới thường có vai trò quan trọng trong một số hoạt động chăn nuôi như khai thác tinh đối với trâu, bò, lợn... chăn nuôi lợn đực giống, bò đực giống. Tuy nhiên, phụ nữ lại lao động chính tham gia vào hoạt động pha chế tinh dịch, thu gom, sơ chế, chế biến sản phẩm chăn nuôi....

Phụ nữ là những người tham gia nhiều vào hoạt động chăn nuôi tại nông hộ. Với định hướng phát triển chăn nuôi quy mô trang trại, số hộ chăn nuôi nhỏ lẻ sẽ giảm dần, do vậy các quy định đối với sản xuất chăn nuôi sẽ bao gồm cả phụ nữ

và nam giới, đặc biệt tại các nhóm dân tộc thiểu số.

Đối với nguyên tắc, chính sách phát triển về chăn nuôi đã quy định nhằm bảo đảm bình đẳng, không phân biệt đối xử và có biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới.

Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho mọi tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư, nghiên cứu, đào tạo và các hoạt động phục vụ phát triển bền vững ngành chăn nuôi.

Về quyền của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi đã quy định:

- Quyền được hỗ trợ rủi ro trong chăn nuôi khi bị thiên tai, dịch bệnh. Quyền được hỗ trợ rủi ro không chỉ hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn có ý nghĩa đối với mỗi cá nhân đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. Do đó khi xây dựng chính sách hỗ trợ rủi ro này đã bảo đảm có sự tham gia của Hội liên hiệp phụ nữ và có tính đến các ưu tiên đối với phụ nữ và trẻ em.

- Quyền được phổ biến, tuyên truyền trong hoạt động chăn nuôi để bảo đảm nâng cao kiến thức, ý thức, trách nhiệm của người dân từ đó góp phần bảo vệ môi trường. Theo đó, phụ nữ, trẻ em cần được ưu tiên để tiếp cận các hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ thuật trong chăn nuôi.

- Quyền tiếp cận thông tin, kiến thức về khoa học công nghệ đối với người chăn nuôi nói chung trong đó có chương trình dành riêng cho phụ nữ. Bởi theo khảo sát của một số chương trình sinh kế thì người phụ nữ hiện đang bị thiệt thòi trong việc tiếp cận thông tin, kéo theo thiệt thòi trong cơ hội việc làm.

3. Các quy định cụ thể về giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, điều kiện chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi

Các quy định về quản lý đã bảo đảm quyền tham gia, hưởng lợi của cả nam và nữ **đối với giống vật nuôi:** Điều 3 (sửa đổi khoản 5, 6 và bổ sung khoản 11 và 12); **đối với thức ăn chăn nuôi:** Điều 4 (sửa đổi bổ sung khoản 6 và bổ sung khoản 8, khoản 9), Điều 10 (sửa đổi, bổ sung khoản 8), Điều 11 (bổ sung khoản 6), Điều 14 (sửa đổi, bổ sung khoản 3 và 4, bổ sung khoản 5), Điều 15 (sửa đổi, bổ sung khoản 2 và 3, bổ sung khoản 4), Điều 18 (sửa đổi, bổ sung khoản 4, điểm c khoản 5, bổ sung khoản 6), bổ sung Điều 18a, Điều 19 (sửa đổi, bổ sung khoản 2); **đối với điều kiện chăn nuôi:** Điều 21 (sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 và 3), Điều 24 (bổ sung khoản 4a), Điều 29 (sửa đổi, bổ sung khoản 2), **đối với xử lý chất thải chăn:** Điều 30 (sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2, 3 và 4); Điều 31 (sửa đổi, bổ sung khoản 1, 3, 4 và khoản 5), bổ sung Điều 32a, 32b, 32c, 32d, 32đ, 32e, 32g.

Về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện các quy định đối với thực hiện thủ tục hành chính đối với giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, điều kiện chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi trong dự thảo Nghị định cũng không phân biệt nam và nữ; đã quy định rõ là tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính về đăng ký, cấp chứng nhận... Cụ thể: sửa đổi, bổ sung một số biểu mẫu và Phụ

lục như sau: Bổ sung Mẫu số 13.TACN, số 14.TACN, số 15.TACN, số 16.TACN, số 06.ĐKCN, số 01.MTCN, số 02.MTCN, số 03.MTCN, số 04.MTCN, số 05.MTCN, số 06.MTCN, số 07.MTCN, số 08.MTCN, 09.MTCN, số 10.MTCN, số 11.MTCN, số 12.MTCN, số 13.MTCN, số 14.MTCN, số 15.MTCN vào Phụ lục I, sửa đổi Mẫu số 04.TACN; thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, điểm, khoản, điều, Phụ lục ban hành kèm Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

Như vậy, về nguyên tắc, các chủ thể không phân biệt nam hay nữ đều có quyền và trách nhiệm ngang nhau trong việc tham gia nghiên cứu, chọn, tạo giống vật nuôi mới, khảo nghiệm giống vật nuôi, sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi, quản lý chất lượng giống vật nuôi; quản lý chất lượng thức ăn chăn nuôi, sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi; quản lý môi trường chăn nuôi. Đồng thời, khi xảy ra vi phạm, các tổ chức, cá nhân đều bị xử lý theo quy định của pháp luật. Nhà nước cũng tạo mọi điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động nêu trên, không phân biệt nam, nữ. Căn cứ vào các quy định trong dự thảo Nghị định có thể thấy rõ chủ thể tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, sử dụng, khảo nghiệm, chứng nhận về thức ăn chăn nuôi thương mại là bao gồm tất cả các tổ chức, cá nhân, không phân biệt giới tính, nam hay nữ. Tất cả đều có quyền, nghĩa vụ và được nhà nước đảm bảo quyền lợi như nhau. Việc đẩy mạnh thông tin, truyền thông về các hoạt động chăn nuôi, quản lý chăn nuôi nhằm tuyên truyền hiểu biết về Luật Chăn nuôi giúp nâng cao nhận thức về Ngành nói chung và bình đẳng giới trong chăn nuôi và quản lý chăn nuôi nói riêng cho toàn xã hội là hết sức cần thiết.

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Thể chế hóa bình đẳng giới và đặc biệt lồng ghép các đặc tính của phụ nữ vào trong các phương thức hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi hiện nay luôn được nhà nước quan tâm và luôn có chủ trương để thực hiện trong tương lai góp phần cải thiện điều kiện làm việc cho nữ giới trong hoạt động chăn nuôi. Quyền của phụ nữ được gắn chặt với quyền của nam giới trong việc sử dụng đất, chuồng trại để chăn nuôi.

Việc thực hiện các chính sách trong hoạt động chăn nuôi được tổ chức thực hiện công khai, minh bạch không phân biệt cá nhân hay tổ chức, không phân biệt nam giới hay nữ giới. Quyền được tham gia các tổ chức cộng đồng, các chi hội, hiệp hội giữa phụ nữ và nam giới là ngang bằng nhau không có sự phân biệt, đối xử giữa hai giới.

Phụ nữ và nam giới có quyền ngang nhau trong việc tham gia đào tạo, tập huấn nghiệp vụ trong hoạt động chăn nuôi, tham gia hội, họp đóng góp ý kiến trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước xây dựng và tham vấn ý kiến.

Việc khái quát nguyên tắc bình đẳng giới ở tất cả các cấp quản lý, được thể hiện trong tinh thần của chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, được tham gia các hoạt động kinh doanh có điều kiện nếu bảo đảm đủ điều kiện mà không có quy định yêu cầu về giới. Nam giới và nữ giới có quyền bình đẳng ngang nhau trong việc tuyển dụng lao động nghề chăn nuôi và trong việc phân bổ lợi ích kinh tế thu được từ hoạt động chăn nuôi.

Để bảo đảm các quy định của Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi đi vào cuộc sống, dự thảo Nghị định đã quy định rõ trách nhiệm của Nhà nước trong hoạt động chăn nuôi và quản lý chăn nuôi, bảo đảm quyền và lợi ích của mọi cá nhân phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, CN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phùng Đức Tiến